

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 25-02-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sâm

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr

Bà Nguyễn Thị My My

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số: 57/2024/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn” Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 49/2024/HNGĐ-ST ngày 30/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H – sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn 5, xã PX, huyện KN, tỉnh Đăk Lăk, có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn K – sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn 5, xã PX, huyện KN, tỉnh Đăk Lăk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn với ông Trần Văn K vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NH (hiện nay là xã KH) huyện NL, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn 2 người sống chung với nhau hạnh phúc đến tháng 7/2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, dẫn đến việc 2 người sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, ông K không tôn trọng, không quan tâm vợ con khi đau ốm, hay đánh đập, bạo lực gia đình, ít có trách nhiệm chu cấp tiền bạc nuôi con.

Nay bà H xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông K đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể sống chung với nhau được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Hăng được ly hôn với ông K

Về con chung: Bà H, ông K có 03 con chung: Trần Thị Yến N - sinh ngày 22/11/2011, Trần Linh Đ và Trần Bảo H sinh cùng ngày 04/6/2017. Hiện nay cả 03 cháu đang ở với bà H. Sau ly hôn nguyện vọng của bà H xin trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu đến đủ tuổi trưởng thành, bà H yêu cầu ông K phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật vì ông K không có tình cảm, không quan tâm, không có trách nhiệm đối với các con và nguyện vọng của các con đều muốn ở với bà H.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống với nhau bà H và ông K tạo dựng được số tài sản chung gồm: Một lô đất có diện tích 1.233,3m², tại thửa đất số 493, tờ bản đồ số 37, giấy CNQSD đất số CM 603228 cấp ngày 26/9/2018, 1 nhà xây cấp 4 + mái che, giếng nước và một số cây sàu riêng. Nguyện vọng của bà H muốn được sử dụng lô đất, nhà và toàn bộ số tài sản trên đất để có chỗ ở nuôi các con; bà H đồng ý có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho ông K theo quy định của pháp luật.

***Bị đơn ông Trần Văn K trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn K kết hôn với bà Nguyễn Thị H vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NH (hiện nay là xã KH) huyện NL, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn 2 người sống chung với nhau hạnh phúc đến tháng 7/2024 thì có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, dẫn đến việc 2 người sống ly thân nhau từ thời gian đó cho đến nay. Nguyên nhân do 2 người không hiểu, không hợp nhau. Nay bà H xin ly hôn với ông K thì nguyện vọng của ông K muốn vợ chồng đoàn tụ để làm ăn nuôi con ăn học vì ông K xét thấy tuy vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Tuy nhiên, trường hợp bà H không đồng ý đoàn tụ thì ông K cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về con chung: Bà H, ông K có 03 con chung: Trần Thị Yến N - sinh ngày 22/11/2011, Trần Linh Đ và Trần Bảo H sinh cùng ngày 04/6/2017. Hiện nay cả 03 cháu đang ở với bà H. Sau ly hôn nguyện vọng của ông K muốn được nuôi dưỡng cả 03 cháu đến đủ tuổi trưởng thành; ông K không yêu cầu bà H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống với nhau ông K và bà H tạo lập được số tài sản chung gồm: Một lô đất có diện tích 1.233,3m, tại thửa đất số 493, tờ bản đồ số 37, giấy CNQSD đất số CM 603228 cấp ngày 26/9/2018 mang tên ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị H, tài sản trên đất có 01 ngôi nhà xây cấp 4 + mái che, giếng nước và một số cây sàu riêng. Trường hợp bà H có nguyện vọng nhận toàn bộ số tài sản chung của vợ chồng thì ông K đồng ý giao toàn bộ số tài sản chung của vợ chồng cho bà H được quyền sở hữu, sử dụng; ông K yêu cầu bà H phải thanh toán lại cho ông K 1/2 giá trị tài sản của vợ chồng theo trị giá đã được Hội đồng định giá tiến hành định giá.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 49/2024/HNGĐ-ST ngày 30/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55, khoản 1 Điều 56; Điều 59, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn K thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Giao các cháu Trần Thị Yến N - sinh ngày 22/11/2011, Trần Linh Đ và Trần Bảo H cùng sinh cùng ngày 04/6/2017 cho bà Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Ông Trần Văn K được quyền đi lại thăm con chung theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung Trần Linh Đ, Trần Bảo H mỗi tháng 5.790.000đồng. Thời hạn cấp dưỡng từ tháng 11 năm 2024 cho đến khi các cháu Trần Thị Yến N, Trần Linh Đ và Trần Bảo H đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản: Giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng lô đất diện tích 1.233,3m², tại thửa đất số 493, tờ bản đồ số 37, giấy CNQSD đất số CM 603228 cấp ngày 26/9/2018 mang tên ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị H và được quyền sở hữu toàn bộ số tài sản trên đất gồm có: Ngôi nhà xây cấp 4 + công trình phụ + sân + mái tôn + giếng nước và 21 cây sầu riêng. Tổng giá trị tài sản là 268.821.820 đồng. Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Trần Văn K số tiền 134.410.910 đồng (tương đương ½ tổng giá trị tài sản chung).

Áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với khoản tiền chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, theo Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất mà bà H được phân chia theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn giải quyết về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/11/2024, bị đơn ông Trần văn K kháng cáo một phần bản án về con chung. Đề nghị cấp phúc thẩm giao cháu Trần Bảo H cho ông K được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, đồng thời giảm mức cấp dưỡng nuôi con còn 2.895.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn K - Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 49/2024/HNGĐ-ST ngày 30/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Văn K trong hạn luật định, ông K đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Trần Văn K, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về con chung: Ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị H có 03 con chung là cháu Trần Thị Yến N - sinh ngày 22/11/2011, Trần Linh Đ và Trần Bảo H là hai chị em song sinh cùng sinh cùng ngày 04/6/2017.

Về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con: Ông K, bà H hiện nay đều là giáo viên và có thu nhập ổn định. Cả ông K và bà H đều có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Tuy nhiên, từ khi ông K, bà H ly thân cho đến nay các con chung đều đang ở với bà H; tại cấp sơ thẩm các cháu đều có nguyện vọng ở với bà H sau khi bố mẹ ly hôn. Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm giao cho bà H thừa đất số 493, tờ bản đồ số 37 trên đất có ngôi nhà và các tài sản nên xét về chỗ ở bà H ổn định hơn ông K. Tại cấp phúc thẩm ông K trình bày hiện nay ông đã chuyển về quê Nghệ An sinh sống nên việc giao con chung cho ông K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ làm thay đổi môi trường sống, học tập của các cháu. Hơn nữa, các cháu là con gái cần được sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, đặc biệt cháu Linh Đ và cháu Trần Bảo H là hai chị em song sinh nên việc được chăm sóc, nuôi dưỡng và sinh hoạt trong cùng một môi trường sẽ đảm bảo cho hai cháu được phát triển toàn diện về mọi mặt.

Do đó, kháng cáo của ông K về việc đề nghị giao cháu Trần Bảo H cho ông K được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giảm mức cấp dưỡng đối với

người con ông được trực tiếp nuôi dưỡng là không có cơ sở. Bản án sơ thẩm giao cả ba con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành và buộc ông K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung 1,5 tháng lương tối thiểu vùng tương đương 1,5 con chung là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Trường hợp sau khi được giao con chung ông K có căn cứ để xác định bà H không còn đủ điều kiện nuôi dưỡng, giáo dục các con thì ông K có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Từ những phân tích nhận định nêu trên xét thấy không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn K - Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 49/2024/HNGĐ-ST ngày 30/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do đơn kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0011924 ngày 13/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn K - Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 49/2024/HNGĐ-ST ngày 30/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 55, khoản 1 Điều 56; Điều 59, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Về con chung: Giao các cháu Trần Thị Yên N - sinh ngày 22/11/2011, Trần Linh Đ và Trần Bảo H cùng sinh cùng ngày 04/6/2017 cho bà Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Ông Trần Văn K được quyền đi lại thăm con chung theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung Trần Linh Đ, Trần Bảo H mỗi tháng 5.790.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng từ tháng 11 năm 2024 cho đến khi các cháu Trần Linh Đ và Trần Bảo H đủ 18 tuổi.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Ông Trần Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Khấu trừ số tiền

300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0011924 ngày 13/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện KN.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày kết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện KN;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sâm